

# **BÁO CÁO VĨ MÔ**

## **T7/2026**

**Tăng trưởng giữ nhịp khi bước sang nửa sau của năm**

Sức khỏe nền kinh tế

PMI sản xuất

**52.9** điểm  
T6: 51.8 điểm

Tăng trưởng bán lẻ, dịch vụ \*

**4,555.8** Nghìn tỷ đồng  
+13.1% YoY

Đầu tư công \*

**425,312** Tỷ đồng  
+25.7% YoY

Lạm phát

**+4.45** %YoY  
T6: +4.69% YoY

Giao thương quốc tế

FDI thực hiện \*

**15.2** Tỷ USD  
+11.8% YoY

FDI đăng ký \*

**38.1** Tỷ USD  
+58.0% YoY

Kim ngạch XNK \*

**659.6** Tỷ USD  
+28.1% YoY

Tỷ giá USD/VND

**26,296**  
-0.1% MoM

Thị trường vốn

Tăng trưởng tín dụng

**8.38** %YTD

OMO

**172,560** Tỷ đồng  
-29.7% MoM

Khu vực sản xuất

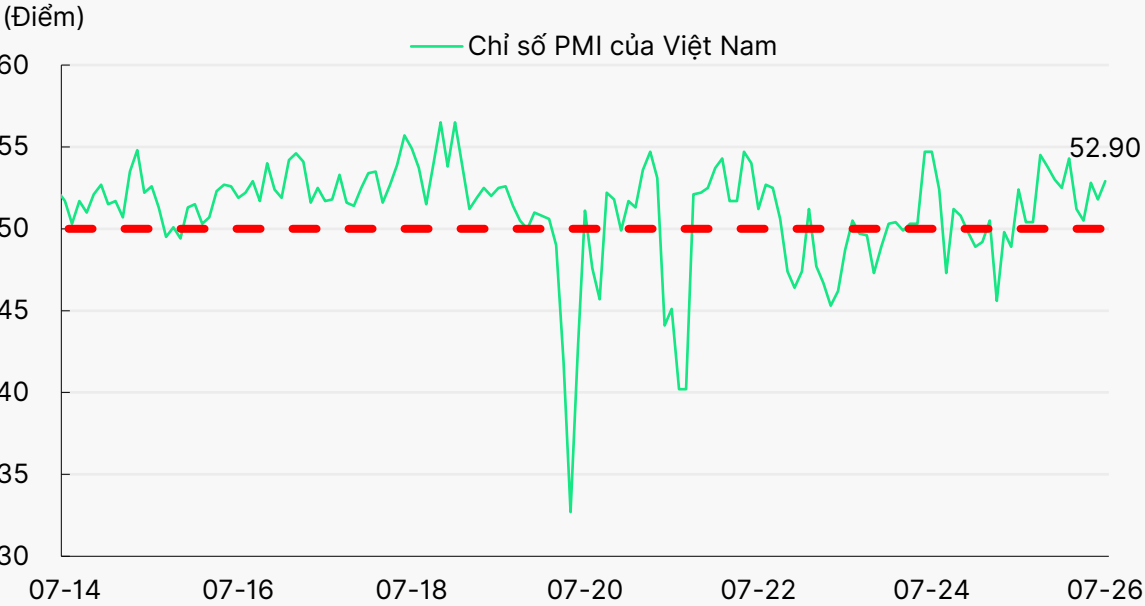
Hoạt động sản xuất tăng tốc trên diện rộng

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 7/2026 tăng 14,5% YoY, cao hơn mức 12,9% YoY trong tháng 6. Động lực chính đến từ ngành chế biến, chế tạo tăng 15,0% YoY; khai khoáng và cung cấp nước, xử lý rác thải cũng duy trì mức tăng lần lượt 10,4% và 14,9% YoY. Trong khi đó, sản xuất và phân phối điện tăng 12,5% YoY, chậm lại so với tháng trước.

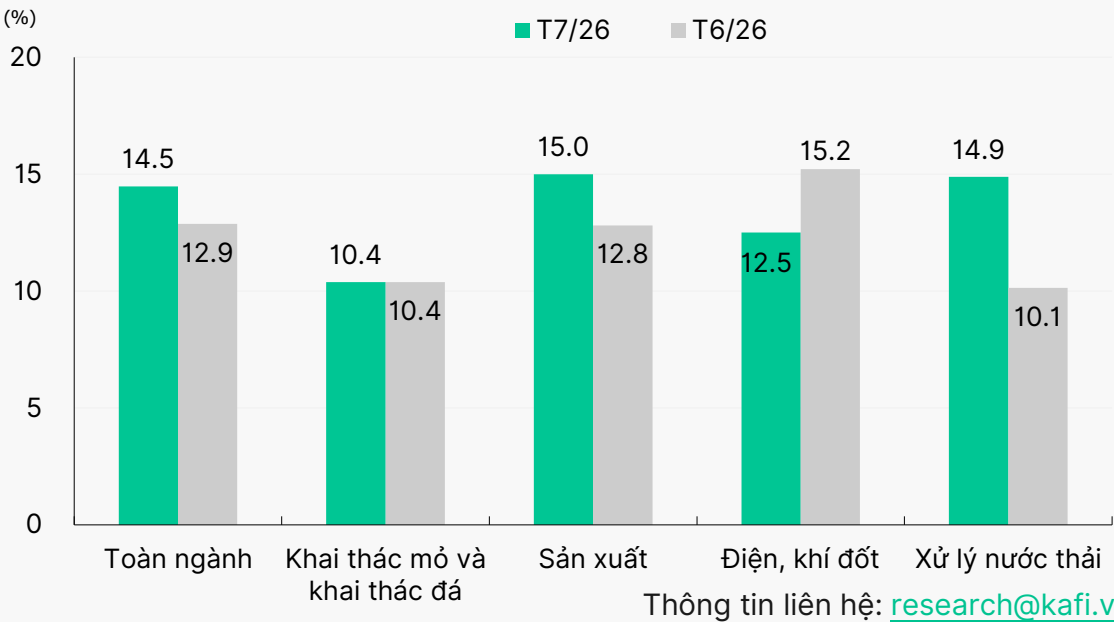
Đà tăng của IIP cũng đồng pha với sự cải thiện của chỉ số PMI sản xuất theo báo cáo mới nhất của S&P Global, khi chỉ số này tăng từ 51,8 điểm trong tháng 6 lên 52,9 điểm trong tháng 7, cho thấy điều kiện kinh doanh tiếp tục mở rộng và cải thiện. Động lực chính đến từ sản lượng và đơn hàng mới tăng nhanh hơn, đặc biệt đơn hàng xuất khẩu ghi nhận tốc độ tăng mạnh nhất kể từ tháng 7/2024; đồng thời, việc làm quay lại mở rộng sau năm tháng suy giảm và áp lực chi phí đầu vào tiếp tục hạ nhiệt.

Kafi đánh giá hoạt động sản xuất đang bước vào nửa cuối năm với động lực tích cực hơn, dù triển vọng vẫn phụ thuộc đáng kể vào diễn biến thương mại và địa chính trị toàn cầu.

Chỉ số PMI của Việt Nam  
Đơn vị: Điểm - Nguồn: S&P Global, Kafi Research



Tăng trưởng các ngành công nghiệp trong T7/2026  
Đơn vị: % - Nguồn: NSO, Kafi Research



Tình hình bán lẻ

Tiêu dùng duy trì tích cực, dịch vụ du lịch tiếp tục dẫn dắt

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng 7 đạt 669,1 nghìn tỷ đồng, tăng 0,9% MoM và 14,5% YoY, gần như duy trì mức tăng cao của tháng trước. Lũy kế 7T2026, tổng mức bán lẻ đạt 4.555,8 nghìn tỷ đồng, tăng 13,1% YoY; nếu loại trừ yếu tố giá, mức tăng đạt 7,5%, cho thấy sức mua thực tiếp tục cải thiện nhưng thấp hơn đáng kể so với tăng trưởng danh nghĩa.

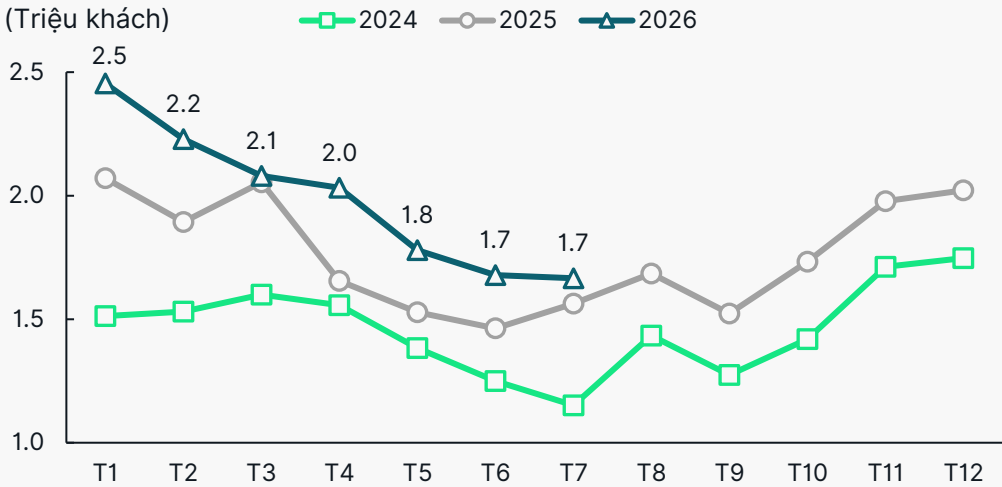
**Động lực tăng trưởng tiếp tục nghiêng về nhóm dịch vụ trong mùa du lịch hè.** Doanh thu lưu trú và ăn uống tăng 19,0% YoY, dịch vụ lữ hành tăng 24,3% YoY, vượt mức tăng 13,6% YoY của bán lẻ hàng hóa. Khách quốc tế đạt 1,67 triệu lượt trong tháng 7, giảm nhẹ 0,7% MoM do yếu tố mùa vụ nhưng vẫn tăng 6,6% YoY; lũy kế 7 tháng đạt 13,9 triệu lượt, tăng 13,8% YoY, tiếp tục hỗ trợ các ngành lưu trú, ăn uống và du lịch.

**Kafi đánh giá sức cầu tiêu dùng vẫn duy trì tích cực, với động lực chủ yếu đến từ du lịch và dịch vụ. Tuy nhiên, chênh lệch giữa tăng trưởng danh nghĩa và thực cho thấy mặt bằng giá vẫn đóng góp đáng kể; do đó, đà tăng bán lẻ có thể dần trở về mức ổn định hơn sau mùa cao điểm du lịch hè.**

Tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng  
| Đơn vị % - Nguồn: NSO, Kafi Research

| Nhóm hàng                | T12/25 | T1/26 | T2/26 | T3/26 | T4/26 | T5/26 | T6/26 | T7/26 |
|--------------------------|--------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| TỔNG SỐ                  | 7.8    | 7.7   | 11.9  | 11.5  | 11.6  | 13.8  | 14.3  | 14.5  |
| Bán lẻ hàng hóa          | 8.2    | 6.8   | 12.3  | 11.7  | 11.9  | 13.2  | 13.2  | 13.6  |
| Dịch vụ lưu trú, ăn uống | 10.1   | 7.9   | 14.0  | 12.8  | 11.8  | 16.6  | 18.0  | 19.0  |
| Du lịch lữ hành          | 11.6   | 13.6  | 15.4  | 16.9  | 4.0   | 13.2  | 24.2  | 24.3  |
| Dịch vụ khác             | 2.1    | 13.9  | 6.1   | 8.3   | 10.2  | 15.1  | 17.0  | 14.1  |

Khách du lịch quốc tế  
| Đơn vị: Lượt khách - Nguồn: NSO, Kafi Research



Lạm phát

Áp lực giá hạ nhiệt, nhưng lạm phát cơ bản vẫn ở mức cao

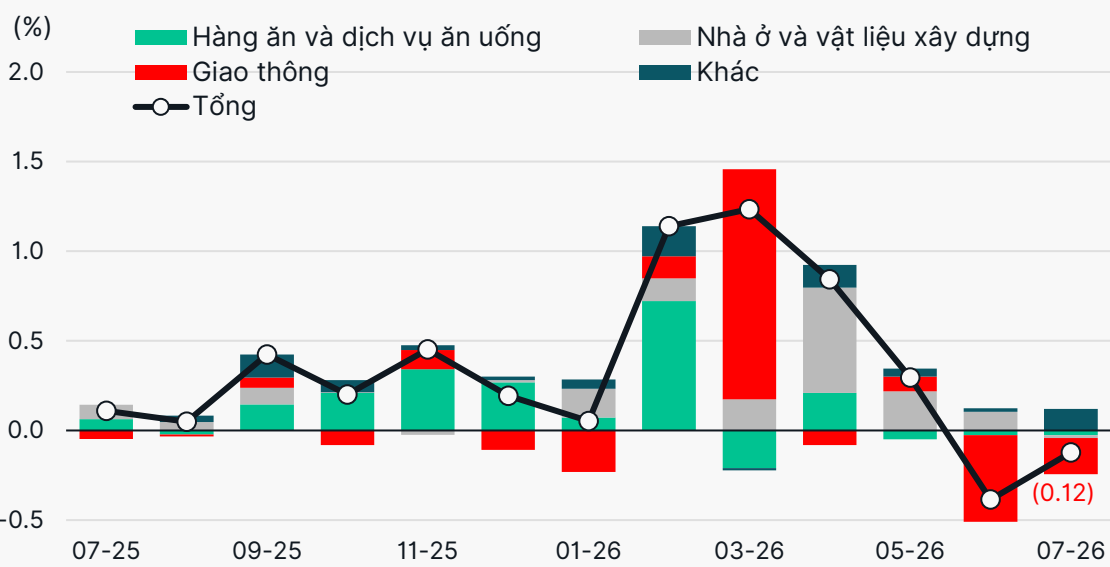
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2026 giảm 0,12% MoM, qua đó hạ từ 4,69% YoY trong tháng 6 xuống 4,45% YoY. Bình quân 7T2026, CPI tăng 4,39% YoY, trong khi lạm phát cơ bản tăng 4,19% YoY. Riêng tháng 7, lạm phát cơ bản tiếp tục ghi nhận mức tăng 0,33% MoM và 4,63% YoY, cho thấy áp lực về giá cả trong nước chưa hoàn toàn hạ nhiệt.

Đà giảm trong tháng chủ yếu đến từ nhóm giao thông giảm 2,02% MoM, làm CPI chung giảm 0,20 điểm phần trăm, khi giá xăng và dầu diesel lần lượt giảm 4,35% và 9,18% theo diễn biến giá nhiên liệu thế giới. Giá lương thực, thực phẩm và nhóm nhà ở, vật liệu xây dựng cùng giảm 0,07% MoM, nhờ nguồn cung hàng hóa dồi dào và chi phí năng lượng hạ nhiệt.

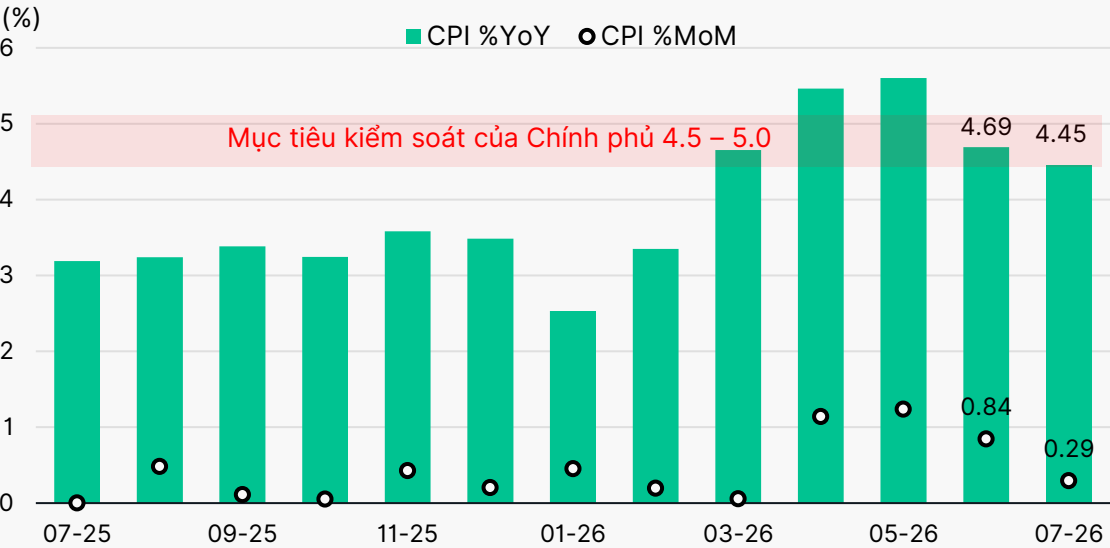
Ở chiều tăng, nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,96% MoM, chủ yếu do mức đóng bảo hiểm y tế tăng theo lương cơ sở mới; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,52% do nhu cầu du lịch hè, trong khi giáo dục tăng 0,24% bởi một số cơ sở điều chỉnh học phí.

Kafi đánh giá áp lực lạm phát toàn phần đã dịu bớt nhờ giá nhiên liệu và thực phẩm giảm, đưa CPI trở lại sát ngưỡng kiểm soát. Tuy nhiên, lạm phát cơ bản cao hơn CPI toàn phần cùng xu hướng tăng của giá dịch vụ cho thấy rủi ro lạm phát vẫn cần được theo dõi trong các tháng cuối năm.

CPI theo cấu phần đóng góp  
Đơn vị: %MoM – Nguồn: NSO, Kafi Research



Diễn biến CPI so với cùng kỳ  
Đơn vị: % – Nguồn: NSO, Kafi Research



Đầu tư công

Tiến độ cải thiện, nhưng áp lực giải ngân vẫn tập trung vào cuối năm

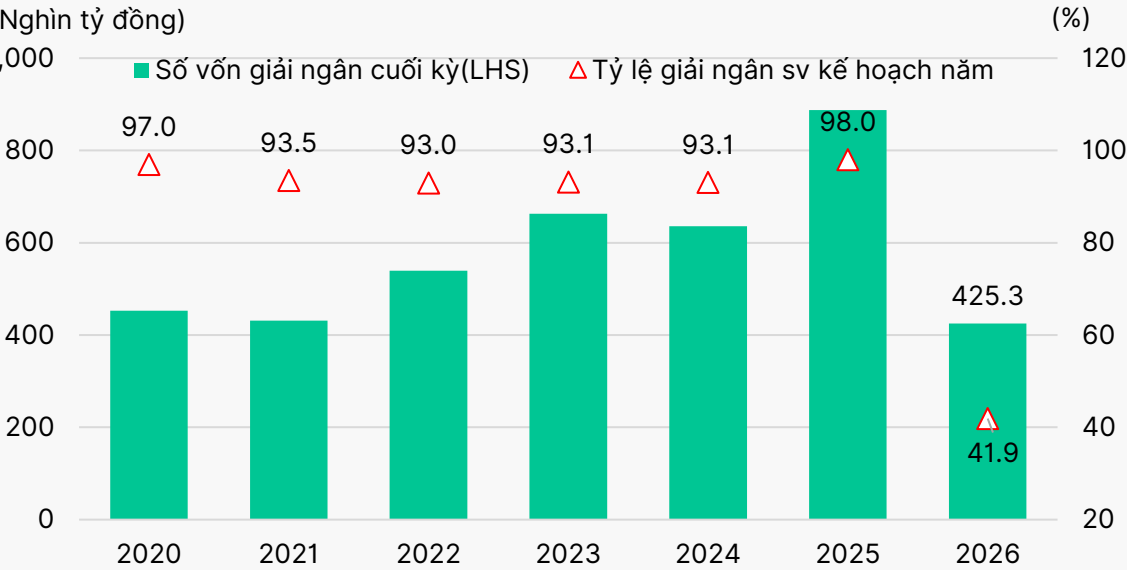
Đến hết T7/2026, giải ngân vốn đầu tư công đạt 425,3 nghìn tỷ đồng, tương đương 41,9% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Kết quả này cao hơn cùng kỳ 3,6 điểm phần trăm và gần 86,8 nghìn tỷ đồng về giá trị tuyệt đối, cho thấy tiến độ thực hiện đã cải thiện rõ rệt so với giai đoạn đầu năm.

Riêng trong tháng 7, giá trị giải ngân đạt khoảng 68,4 nghìn tỷ đồng, tăng 243,2% YoY. Mặc dù quy mô giải ngân thấp hơn mức đột biến của tháng 6 do cần thêm thời gian tích lũy khối lượng và ảnh hưởng của mưa lớn đến hoạt động thi công, nghiệm thu, tiến độ chung vẫn duy trì tích cực hơn đáng kể so với cùng kỳ. Tuy nhiên, khoảng 58,1% kế hoạch năm vẫn cần được hoàn thành trong năm tháng còn lại, trong khi các điểm nghẽn về giải phóng mặt bằng, nguồn vật liệu, thủ tục đầu tư và năng lực triển khai chưa được xử lý hoàn toàn.

Kafi kỳ vọng giải ngân tiếp tục tăng tốc trong những tháng cuối năm, qua đó chuyển hóa thành vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước và củng cố vai trò dẫn dắt của chính sách tài khóa đối với tăng trưởng.

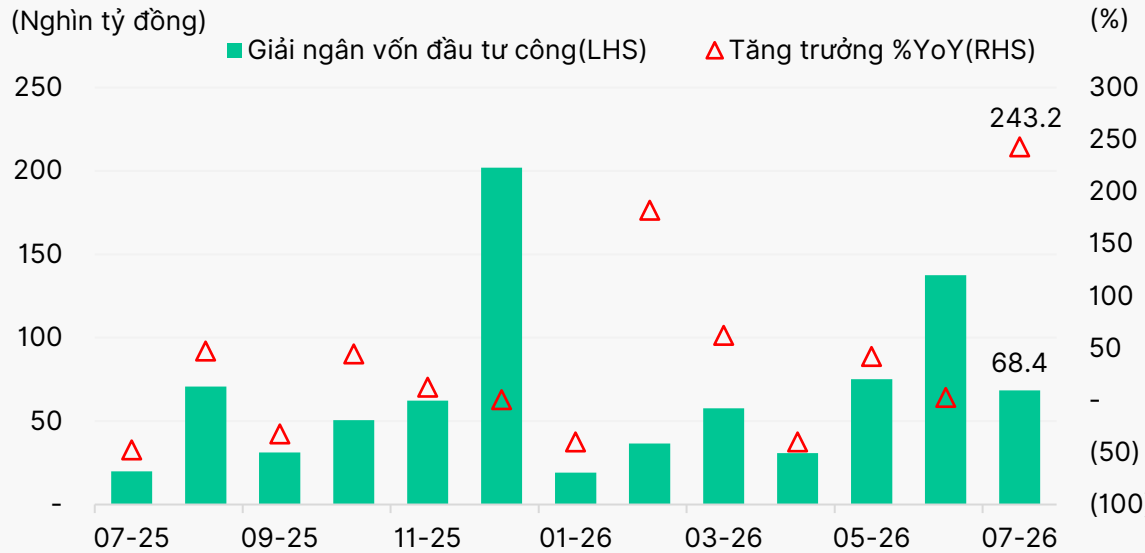
Tình hình giải ngân đầu tư công qua các năm

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng – Nguồn: Bộ Tài chính, Kafi Research



Tình hình giải ngân đầu tư công qua các tháng

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng – Nguồn: Bộ Tài chính, Kafi Research



Vốn đầu tư từ nguồn NSNN

Khối lượng thực hiện tăng tốc, chủ yếu được dẫn dắt bởi địa phương

Đà cải thiện của giải ngân đầu tư công bắt đầu phản ánh rõ hơn vào khối lượng vốn đầu tư thực hiện. Trong T7/2026, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 98,6 nghìn tỷ đồng, tăng 25,9% YoY. Trong đó, vốn do địa phương quản lý đạt 81,0 nghìn tỷ đồng, tăng 24,5% YoY, chiếm hơn 82% tổng vốn thực hiện trong tháng; vốn Trung ương quản lý đạt 17,5 nghìn tỷ đồng, tăng 33,2% YoY.

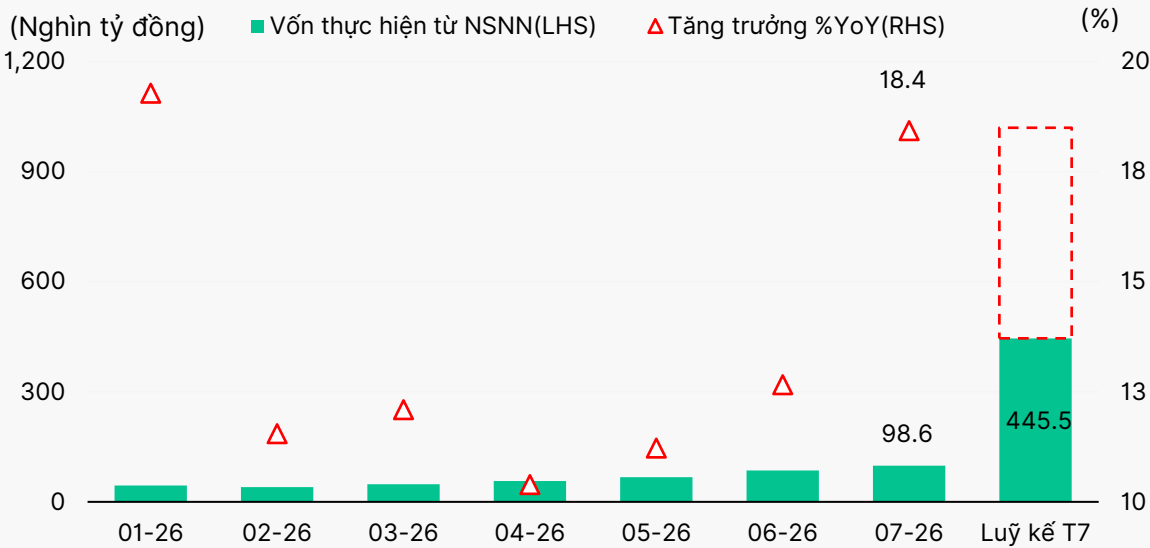
Lũy kế 7T2026, vốn thực hiện đạt 445,5 nghìn tỷ đồng, bằng 39,0% kế hoạch năm và tăng 18,4% YoY, cao hơn mức hoàn thành 37,0% của cùng kỳ năm trước. Vốn địa phương tiếp tục đóng vai trò chủ đạo, đạt 377,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 42,3% kế hoạch và tăng 18,2%; trong khi vốn Trung ương đạt 67,7 nghìn tỷ đồng, mới hoàn thành 27,1% kế hoạch, dù tăng 19,8% YoY.

Xét theo địa phương, Hà Nội và TP.HCM dẫn đầu về quy mô vốn thực hiện trong tháng 7. Đà tăng có sự phân hóa rõ rệt, với Tây Ninh và Quảng Ninh tăng trên 100% YoY, trong khi Ninh Bình và Phú Thọ giảm so với cùng kỳ.

Kafi đánh giá sự cải thiện đồng thời của giải ngân và khối lượng vốn thực hiện cho thấy chính sách tài khóa đang từng bước truyền dẫn vào nền kinh tế thực. Tuy nhiên, với tỷ lệ hoàn thành mới đạt 39,0% kế hoạch, áp lực đẩy nhanh tiến độ vẫn còn lớn trong các tháng cuối năm, đặc biệt đối với phần vốn do Trung ương quản lý.

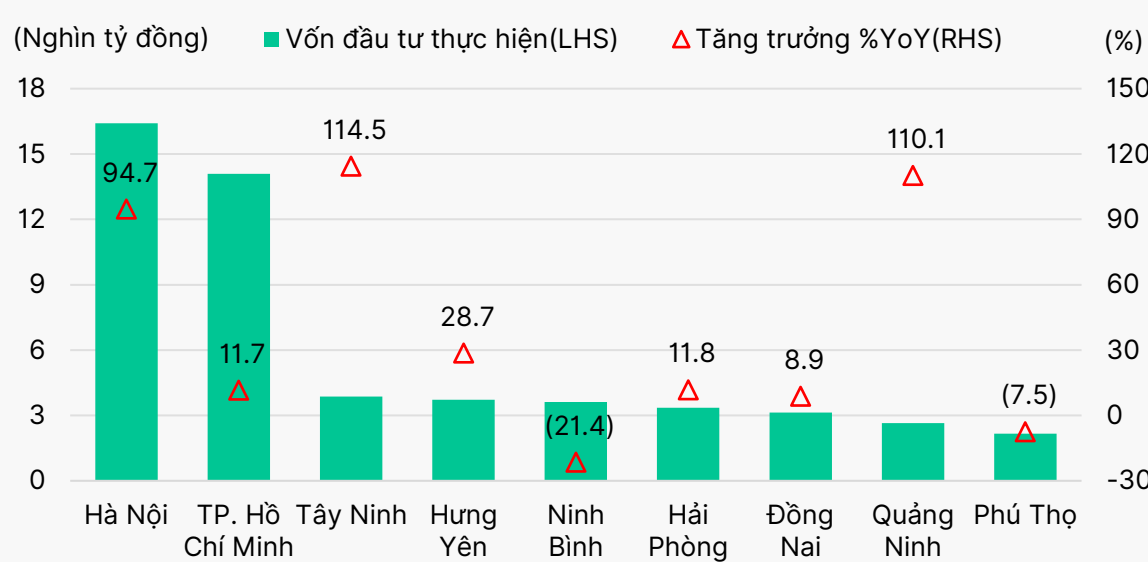
Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN theo tháng và lũy kế 7T2026

| Đơn vị: Nghìn tỷ đồng, % – Nguồn: NSO, Kafi Research



Vốn đầu tư thực hiện tại một số tỉnh, thành phố trong tháng 7

| Đơn vị: Nghìn tỷ đồng – Nguồn: NSO, Kafi Research



Dòng vốn FDI

Vốn đăng ký duy trì ở mức cao, trong khi giải ngân xác lập kỷ lục mới trong 7 tháng

Trong T7/2026, vốn FDI thực hiện đạt 2,17 tỷ USD, tăng 15,4% YoY; tổng vốn đăng ký đạt 3,41 tỷ USD, tăng 32,7% YoY. Động lực đăng ký chủ yếu đến từ 3,66 tỷ USD vốn cấp mới và 0,36 tỷ USD góp vốn, mua cổ phần, bù đắp phần vốn điều chỉnh giảm ròng khoảng 0,61 tỷ USD. Dù hạ nhiệt so với mức đột biến trong tháng 6, cả vốn đăng ký và giải ngân vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực.

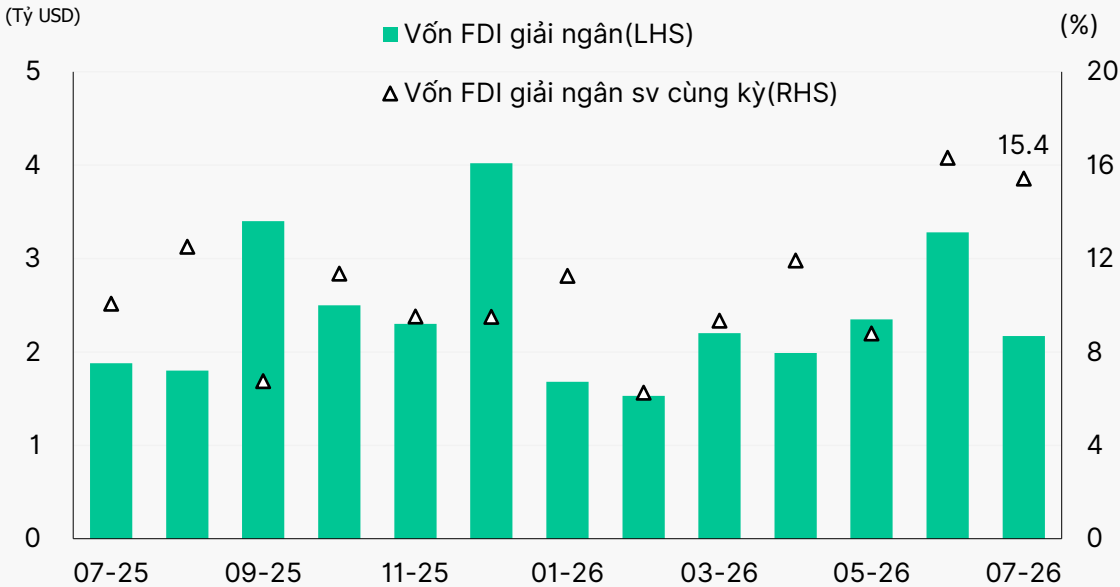
Lũy kế 7T2026, tổng vốn FDI đăng ký đạt 38,06 tỷ USD, tăng 58,0% YoY. Trong đó, vốn cấp mới đạt 21,05 tỷ USD, gấp 2,1 lần cùng kỳ; vốn điều chỉnh đạt 10,43 tỷ USD, tăng 4,4%; góp vốn, mua cổ phần đạt 6,58 tỷ USD, tăng 61,6%. Vốn FDI thực hiện đạt 15,20 tỷ USD, tăng 11,8% YoY, là mức giải ngân 7 tháng cao nhất trong vòng năm năm.

Dòng vốn tiếp tục tập trung vào khu vực sản xuất. Công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút 17,94 tỷ USD, chiếm 57,0% tổng vốn cấp mới và điều chỉnh; đồng thời nhận 12,55 tỷ USD vốn thực hiện, tương đương 82,6% tổng giải ngân.

Kafi đánh giá quy mô vốn đăng ký lớn cùng tiến độ giải ngân tích cực tiếp tục củng cố triển vọng mở rộng năng lực sản xuất và bổ sung nguồn cung ngoại tệ trong trung hạn.

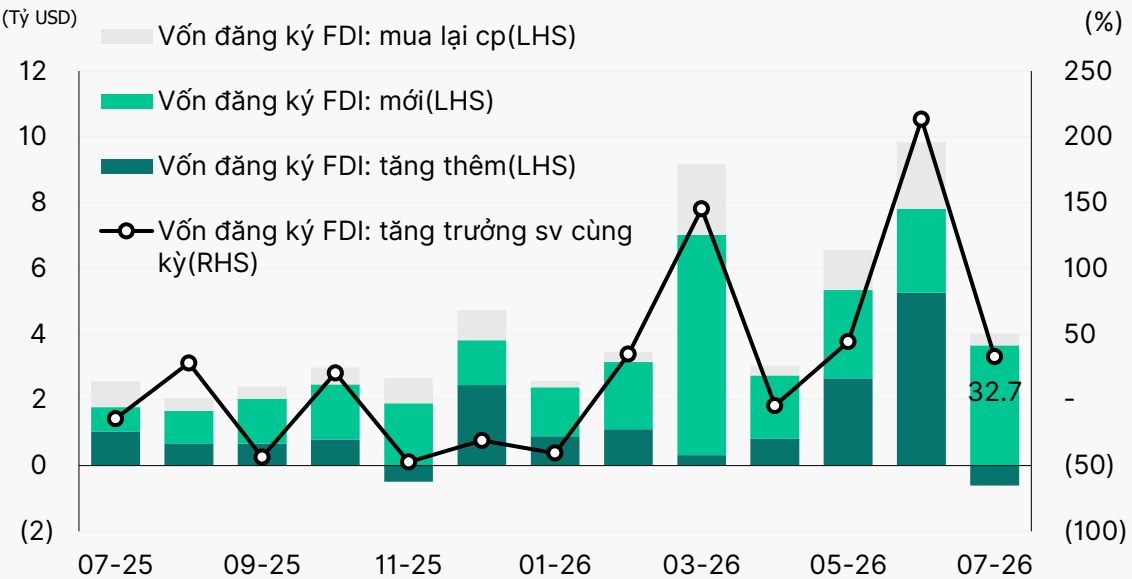
Vốn FDI giải ngân theo tháng

Đơn vị: Tỷ USD – Nguồn: NSO, Kafi Research



Vốn FDI đăng ký theo tháng

Đơn vị: Tỷ USD – Nguồn: NSO, Kafi Research



Cán cân thương mại

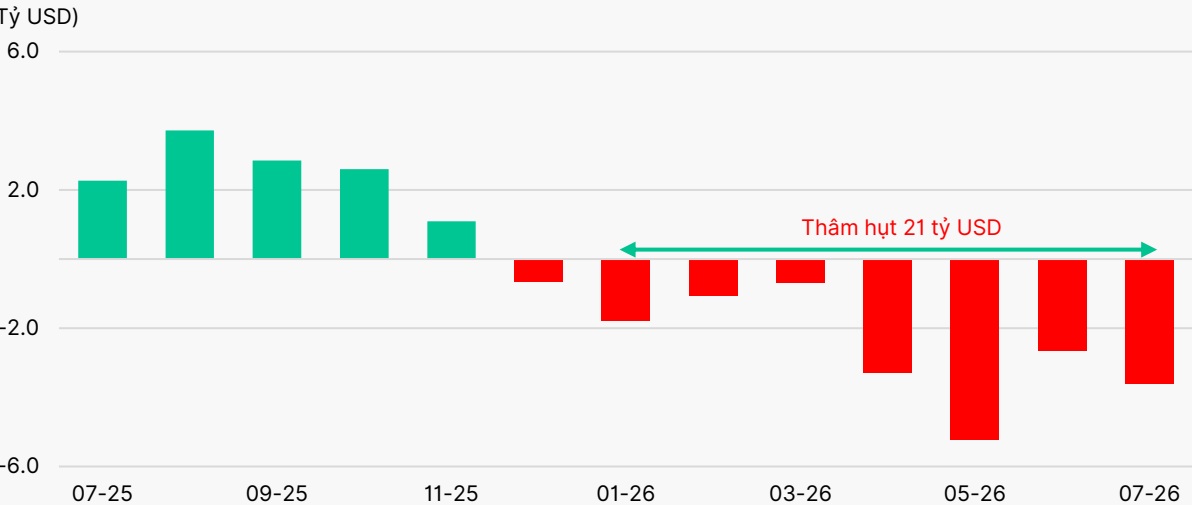
Nhập siêu kéo dài, áp lực tập trung tại khu vực kinh tế trong nước

Trong T7/2026, kim ngạch xuất khẩu đạt 53,08 tỷ USD, tăng 25,0% YoY, trong khi nhập khẩu tăng mạnh hơn, đạt 56,67 tỷ USD, tăng 41,4% YoY, khiến cán cân thương mại tiếp tục nhập siêu 3,59 tỷ USD. Lũy kế 7T2026, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 659,58 tỷ USD, tăng 28,1% YoY; cán cân thương mại nhập siêu 20,52 tỷ USD, trái ngược với mức xuất siêu 10,35 tỷ USD cùng kỳ năm trước và đánh dấu tháng nhập siêu thứ bảy liên tiếp.

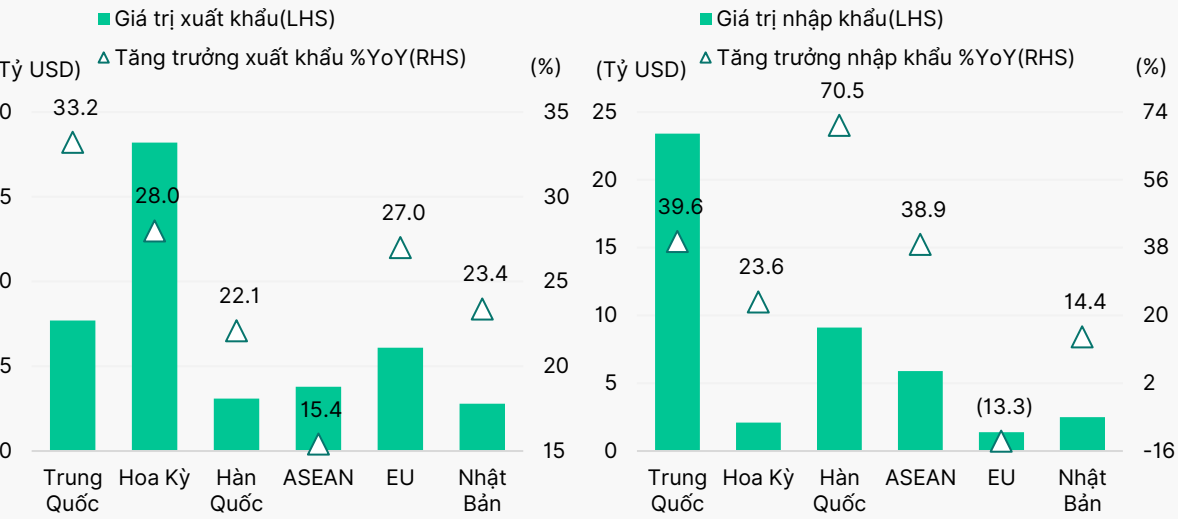
- **Đáng chú ý, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 28,5 tỷ USD, trong khi khu vực FDI vẫn duy trì xuất siêu 7,98 tỷ USD.** Diễn biến này cho thấy thâm hụt tập trung chủ yếu ở khối doanh nghiệp nội địa, còn khu vực FDI tiếp tục đóng vai trò là động lực xuất khẩu chính của nền kinh tế.
- **Áp lực nhập siêu chủ yếu đến từ nhu cầu đầu vào cho sản xuất và đầu tư, khi tư liệu sản xuất chiếm 94,1% tổng kim ngạch nhập khẩu.** Riêng điện tử, máy tính và linh kiện đạt 135,8 tỷ USD, tăng 65,9% YoY, đồng thời ghi nhận mức nhập siêu khoảng 50,6 tỷ USD. Mức tăng mạnh này có thể phản ánh đồng thời sự mở rộng quy mô sản xuất và nhu cầu đối với các linh kiện công nghệ cao trong chu kỳ đầu tư AI toàn cầu. Tuy nhiên, số liệu hiện tại chưa tách biệt được tác động của giá, sản lượng và sự thay đổi cơ cấu sản phẩm, nên chưa nên quy toàn bộ mức tăng cho giá chip.

Kafi đánh giá trạng thái nhập siêu hiện nay chưa phản ánh sự suy yếu của xuất khẩu, khi kim ngạch xuất khẩu vẫn tăng trên 20% YoY, mà chủ yếu đến từ nhập khẩu đầu vào tăng nhanh hơn. Tuy vậy, việc thâm hụt kéo dài và tập trung ở khu vực trong nước có thể làm gia tăng nhu cầu ngoại tệ và áp lực lạm phát nhập khẩu. Triển vọng cán cân thương mại sẽ phụ thuộc vào khả năng chuyển hóa lượng nguyên liệu và linh kiện nhập khẩu thành sản lượng xuất khẩu trong các tháng tới.

Diễn biến cán cân thương mại theo tháng  
| Đơn vị: Tỷ USD – Nguồn: NSO, Kafi Research



Xuất/nhập khẩu hàng hóa theo các đối tác lớn  
| Đơn vị: Tỷ USD, % – Nguồn: NSO, Kafi Research



Thị trường mở

NHNN chủ động thu hẹp dư nợ OMO, đồng thời mở rộng bộ đệm thanh khoản

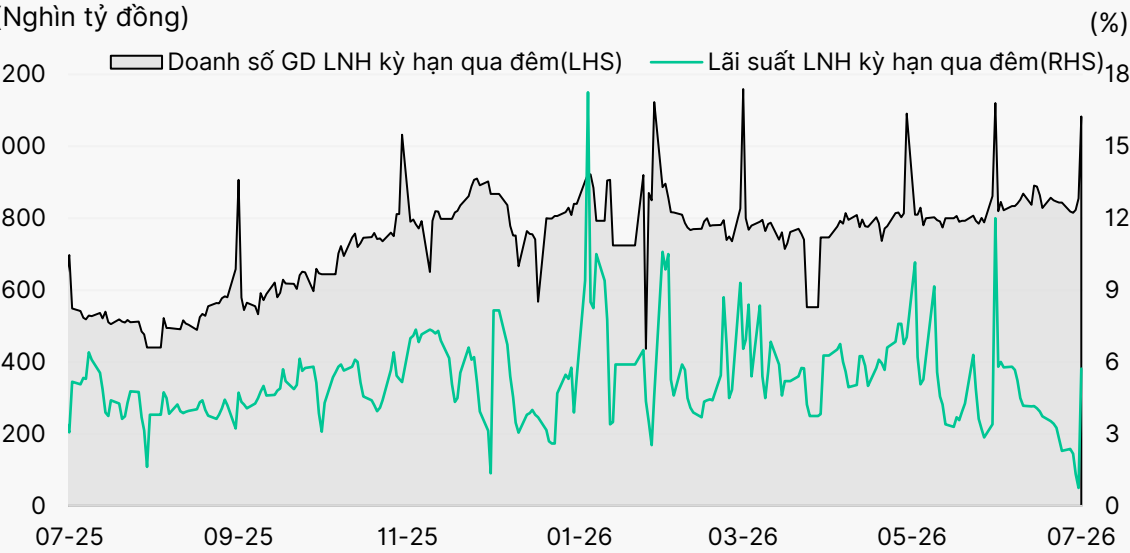
Trong T7/2026, NHNN chuyển sang rút ròng khoảng 86,9 nghìn tỷ đồng trên thị trường mở, chủ yếu thông qua việc để khối lượng repo đáo hạn lớn hơn lượng phát hành mới. Qua đó, dư nợ repo lưu hành được thu hẹp đáng kể. Diễn biến này không hoàn toàn phản ánh định hướng thắt chặt, mà cho thấy NHNN đang bình thường hóa lượng vốn đã bơm trước đó và tạo thêm dư địa để tái hỗ trợ thanh khoản khi căng thẳng quay trở lại.

- Thanh khoản liên ngân hàng tiếp tục biến động mạnh khi nhu cầu vốn ngắn hạn có thời điểm tăng cao, khiến lãi suất qua đêm bật tăng nhanh trước khi hạ nhiệt về cuối tháng. Bên cạnh điều tiết qua OMO, NHNN cũng mở rộng khả năng cân đối vốn của các ngân hàng thông qua Thông tư 25/2026/TT-NHNN, có hiệu lực từ ngày 01/7, nâng tỷ lệ tối đa nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn từ 30% lên 40%.
- Cuối tháng 7, NHNN tiếp tục ban hành Quyết định 1743/QĐ-NHNN, nâng tỷ lệ tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước được tính vào mẫu số LDR từ 20% lên 50%, áp dụng từ ngày 01/8/2026. Chính sách này giúp cải thiện LDR và bổ sung bộ đệm thanh khoản mang tính cơ cấu cho các ngân hàng.
- Ngoài ra, nghiệp vụ hoán đổi USD/VND—NHNN mua USD giao ngay và bán lại USD kỳ hạn—tiếp tục đóng vai trò là kênh cung ứng VND tạm thời khi lãi suất liên ngân hàng tăng nóng, hỗ trợ cho OMO mà không làm gia tăng thanh khoản mang tính thường trực.

Kafi kỳ vọng NHNN sẽ tiếp tục phối hợp linh hoạt OMO, FX swap và các điều chỉnh an toàn vốn nhằm ổn định lãi suất, đồng thời duy trì dư địa ứng phó với áp lực tỷ giá và thanh khoản trong những tháng cuối năm

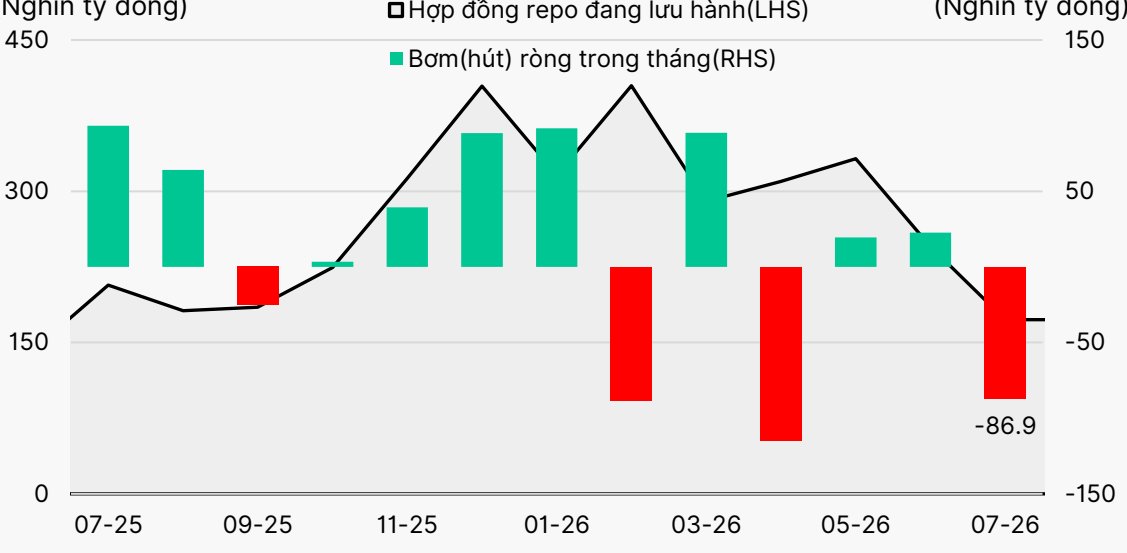
Thị trường liên ngân hàng

| Đơn vị: Nghìn tỷ đồng, % – Nguồn: Fiinpro, Kafi Research



Thị trường mở

| Đơn vị: Nghìn tỷ đồng – Nguồn: Fiinpro, Kafi Research



## Tỷ giá

**VND duy trì ổn định nhờ mặt bằng lãi suất cao và điều hành thanh khoản thận trọng**

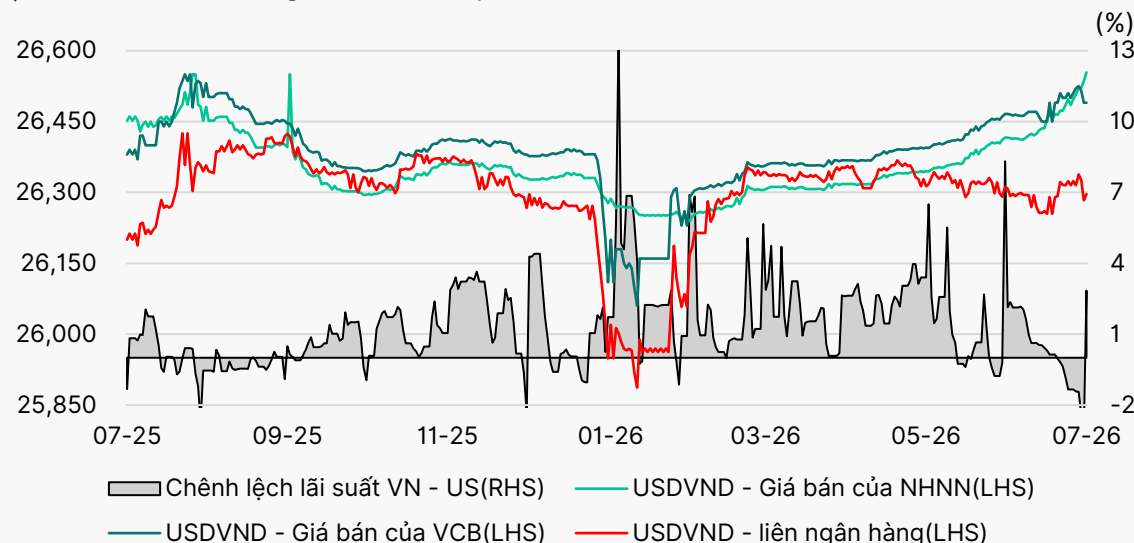
Trong tháng, tỷ giá USDVND tiếp tục dao động trong biên độ hẹp và gần như đi ngang so với đầu năm, qua đó thể hiện mức độ ổn định tương đối nổi bật so với nhiều đồng tiền trong khu vực. Trong khi KRW(Hàn Quốc) và JPY(Nhật Bản) biến động mạnh trước thay đổi của kỳ vọng lãi suất toàn cầu, VND chỉ ghi nhận mức điều chỉnh nhẹ, bất chấp áp lực từ trạng thái nhập siêu kéo dài và nhu cầu ngoại tệ cho nhập khẩu gia tăng.

Sự ổn định của VND chủ yếu đến từ các yếu tố nội tại. Nhu cầu vốn trong hệ thống duy trì cao khiến lãi suất liên ngân hàng thường xuyên neo ở mức cao, qua đó nâng chi phí nắm giữ USD và hạn chế hoạt động đầu cơ ngoại tệ. Đồng thời, việc NHNN điều tiết thanh khoản thận trọng thông qua OMO và các công cụ hoán đổi ngoại tệ giúp cân bằng cung-cầu VND, trong khi dòng vốn FDI giải ngân tích cực tiếp tục bổ sung nguồn cung ngoại tệ cho thị trường.

**Kafi đánh giá tỷ giá USDVND nhiều khả năng tiếp tục được kiểm soát trong ngắn hạn nhờ chênh lệch lãi suất và chính sách điều hành linh hoạt của NHNN. Tuy nhiên, áp lực có thể gia tăng trở lại khi thanh khoản được nới lỏng hơn, nhu cầu nhập khẩu duy trì cao hoặc USD quốc tế bước vào một nhịp tăng mới với các rủi ro địa chính trị.**

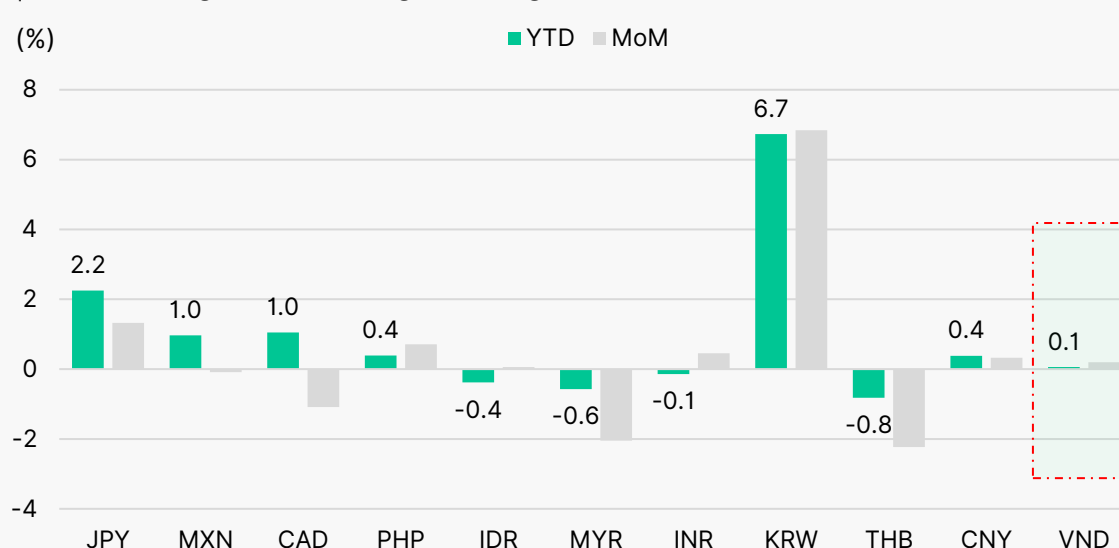
### Diễn biến tỷ giá trong nước

Đơn vị: USDVND – Nguồn: VCB, Fiinpro, Fred, NHNN, Kafi Research



### Biến động của các đồng tiền toàn cầu

Đơn vị: % – Nguồn: Bloomberg, Investing, Kafi Research



\*Chênh lệch lãi suất VN – US là phần chênh lệch lãi suất qua đêm của Việt Nam và SOFR của Mỹ

Thông tin liên hệ: [research@kafi.vn](mailto:research@kafi.vn)

Tổng hợp các chỉ số vĩ mô

| Cấu phần vĩ mô                    | Đơn vị   | 07-25 | 08-25 | 09-25 | 10-25 | 11-25 | 12-25 | 01-26  | 02-26  | 03-26 | 04-26 | 05-26 | 06-26  | 07-26  |
|-----------------------------------|----------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|--------|--------|-------|-------|-------|--------|--------|
| Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) | % MoM    | 0.5%  | 2.2%  | 0.1%  | 2.4%  | 2.3%  | 2.2%  | -0.2%  | -18.5% | 18.8% | 3.0%  | 3.3%  | 3.5%   | 1.2%   |
| Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) | % YoY    | 7.4%  | 8.7%  | 12.7% | 10.4% | 9.1%  | -0.2% | 19.4%  | 0.6%   | 7.2%  | 9.3%  | 10.1% | 12.9%  | 14.5%  |
| Chỉ số nhà quản trị mua hàng PMI  | Điểm     | 52.4  | 50.4  | 50.4  | 54.5  | 53.8  | 53.0  | 52.5   | 54.3   | 51.2  | 50.5  | 52.8  | 51.8   | 52.9   |
| Tổng mức bán lẻ hàng hóa YTD      | Triệu tỷ | 4.03  | 4.62  | 5.22  | 5.82  | 6.42  | 7.04  | 0.6    | 1.3    | 1.9   | 2.5   | 3.2   | 3.9    | 4.5    |
| Tăng trưởng bán lẻ lũy kế         | % YoY    | 10.4% | 10.4% | 10.5% | 10.2% | 10.0% | 9.8%  | 7.7%   | 9.8%   | 10.4% | 10.7% | 11.3% | 11.8%  | 12.2%  |
| Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)        | % YoY    | 3.2%  | 3.2%  | 3.4%  | 3.2%  | 3.6%  | 3.5%  | 2.5%   | 3.4%   | 4.7%  | 5.5%  | 5.6%  | 4.7%   | 4.4%   |
| Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)        | % MoM    | 0.1%  | 0.0%  | 0.4%  | 0.2%  | 0.5%  | 0.2%  | 0.1%   | 1.1%   | 1.2%  | 0.8%  | 0.3%  | -0.4%  | -0.1%  |
| Tổng giá trị xuất khẩu lũy kế     | Tỷ USD   | 261.5 | 304.9 | 347.6 | 389.6 | 428.7 | 472.7 | 43.2   | 76.2   | 122.7 | 168.2 | 215.1 | 265.9  | 319.0  |
| Giá trị xuất khẩu theo tháng      | Tỷ USD   | 42.3  | 43.4  | 42.7  | 42.0  | 39.1  | 44.0  | 43.2   | 33.1   | 46.4  | 45.5  | 46.9  | 50.8   | 53.1   |
| Tổng giá trị nhập khẩu lũy kế     | Tỷ USD   | 252.2 | 291.8 | 331.7 | 371.1 | 409.1 | 454.0 | 45.0   | 79.1   | 126.2 | 175.0 | 227.1 | 280.6  | 337.2  |
| Giá trị nhập khẩu theo tháng      | Tỷ USD   | 40.0  | 39.7  | 39.8  | 39.4  | 38.0  | 44.7  | 45.0   | 34.1   | 47.1  | 48.8  | 52.1  | 53.4   | 56.7   |
| Cán cân thương mại lũy kế         | Tỷ USD   | 9.3   | 13.0  | 15.9  | 18.5  | 19.6  | 18.7  | -1.8   | -2.8   | -3.5  | -6.8  | -12.0 | -16.8  | -20.5  |
| Cán cân thương mại theo tháng     | Tỷ USD   | 2.3   | 3.7   | 2.8   | 2.6   | 1.1   | -0.7  | -1.8   | -1.0   | -0.7  | -3.3  | -5.2  | -2.6   | -3.6   |
| Tăng trưởng xuất khẩu lũy kế      | % YoY    | 16.1% | 16.0% | 17.1% | 17.2% | 17.1% | 17.7% | 30.5%  | 18.8%  | 19.5% | 20.0% | 19.7% | 21.3%  | 22.0%  |
| Tăng trưởng nhập khẩu lũy kế      | % YoY    | 18.1% | 18.4% | 19.2% | 19.0% | 18.7% | 19.6% | 49.6%  | 26.1%  | 26.7% | 28.2% | 29.4% | 32.2%  | 33.7%  |
| Tăng trưởng CCTM lũy kế           | % YoY    | -2.0% | -2.3% | -2.1% | -1.8% | -1.6% | -1.9% | -19.1% | -7.3%  | -7.3% | -8.2% | -9.7% | -10.9% | -11.7% |

Tổng hợp các chỉ số vĩ mô

| Cấu phần vĩ mô                   | Đơn vị  | 07-25  | 08-25  | 09-25  | 10-25  | 11-25  | 12-25  | 01-26  | 02-26  | 03-26  | 04-26  | 05-26  | 06-26  | 07-26  |
|----------------------------------|---------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| FDI đăng ký lũy kế               | Tỷ USD  | 24.09  | 26.14  | 28.54  | 31.52  | 33.69  | 38.42  | 2.58   | 6.03   | 15.20  | 18.24  | 24.81  | 34.65  | 38.06  |
| FDI đăng ký theo tháng           | Tỷ USD  | 2.57   | 2.05   | 2.40   | 2.98   | 2.17   | 4.73   | 2.58   | 3.45   | 9.17   | 3.04   | 6.57   | 9.84   | 3.41   |
| FDI thực hiện lũy kế             | Tỷ USD  | 13.60  | 15.40  | 18.80  | 21.30  | 23.60  | 27.62  | 1.68   | 3.21   | 5.41   | 7.40   | 9.75   | 13.03  | 15.20  |
| FDI thực hiện theo tháng         | Tỷ USD  | 1.88   | 1.80   | 3.40   | 2.50   | 2.30   | 4.02   | 1.68   | 1.53   | 2.20   | 1.99   | 2.35   | 3.28   | 2.17   |
| Tăng trưởng FDI đăng ký lũy kế   | % YoY   | 27.3%  | 27.4%  | 15.2%  | 15.6%  | 7.4%   | 0.5%   | -40.6% | -12.6% | 42.9%  | 32.0%  | 35.0%  | 61.0%  | 58.0%  |
| Tăng trưởng FDI thực hiện lũy kế | % YoY   | 8.4%   | 8.8%   | 8.5%   | 8.8%   | 8.9%   | 9.0%   | 11.3%  | 8.8%   | 9.0%   | 9.8%   | 9.6%   | 11.2%  | 11.8%  |
| Tỷ giá ngoại tệ (VCB bán)        | USD/VND | 26,380 | 26,502 | 26,446 | 26,347 | 26,412 | 26,377 | 26,110 | 26,230 | 26,357 | 26,368 | 26,395 | 26,466 | 26,490 |
| Tăng trưởng tín dụng             | % YoY   | 9.6%   | 11.8%  | 13.4%  | 15.1%  | 15.6%  | 19.0%  | N/A    | 1.4%   | 3.2%   | 4.4%   | 5.7%   | 7.7%   | 8.4%   |
| Lãi suất huy động trung bình     | %/năm   | 4.9%   | 4.9%   | 4.9%   | 4.9%   | 4.9%   | 5.0%   | 5.1%   | 5.2%   | 5.5%   | 5.6%   | 5.7%   | 5.9%   | 6.3%   |
| Lãi suất cho vay trung bình      | %/năm   | 8.9%   | 8.8%   | 8.9%   | 9.0%   | 8.9%   | 9.0%   | 9.3%   | 9.4%   | 9.7%   | 10.0%  | 10.1%  | 10.5%  | 10.8%  |

## Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI ("KAFI"). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố theo nhận thức tốt nhất của KAFI. KAFI không chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ hay tính cập nhật của những thông tin này. Một số đường dẫn báo cáo này có thể liên kết với những trang web khác do các bên thứ ba quản lý, không thuộc quyền kiểm soát của KAFI. KAFI không đưa ra phát biểu nào về tính chính xác hoặc về bất kỳ khía cạnh nào khác của những thông tin đăng tải trên các trang web đó.

Các quan điểm, khuyến nghị trong báo cáo này được KAFI đưa ra sau khi xem xét kỹ càng, cẩn thận và dựa trên nhận thức tốt nhất cũng như trên cơ sở nỗ lực đem lại một quan điểm mang tính chất tham khảo cho nhà đầu tư. Những quan điểm, khuyến nghị này có thể thay đổi mà KAFI không cần thông báo trước hay có trách nhiệm cập nhật liên tục các thay đổi này.

Không một thông tin cũng như khuyến nghị nào trong báo cáo này được trình bày nhằm mục đích mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Việc sử dụng bất kỳ nội dung, thông tin nào trong báo cáo này sẽ do các nhà đầu tư toàn quyền quyết định và tự chịu hoàn toàn trách nhiệm và rủi ro. Các nhà đầu tư cần hiểu rõ kết quả đầu tư có thể phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khách quan và hoàn toàn nằm ngoài khả năng nhận biết, dự đoán hoặc kiểm soát của KAFI. Do vậy, các nhà đầu tư nên xem xét mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về vấn đề tài chính, thuế, pháp lý và các khía cạnh khác trước khi thực hiện giao dịch đối với bất kỳ chứng khoán nào của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này.

KAFI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào phát sinh từ hoặc liên quan đến các sai sót, bỏ sót hoặc hệ quả nào từ việc sử dụng các thông tin, áp dụng các khuyến nghị trong báo cáo này. Trong mọi trường hợp, KAFI cùng các đơn vị hợp danh hoặc pháp nhân hoặc thành viên, đại lý hoặc nhân viên của KAFI sẽ không chịu trách nhiệm đối với các nhà đầu tư hoặc bất kỳ tổ chức, cá nhân nào từ bất kỳ quyết định hoặc hành động nào được thực hiện dựa vào những thông tin, khuyến nghị trong báo cáo này hoặc bất kỳ thiệt hại mang tính hệ quả, cụ thể hoặc thiệt hại tương tự thậm chí trong trường hợp KAFI đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại đó.

Báo cáo này là sản phẩm thuộc quyền sở hữu của KAFI, không bên nào được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông (toàn bộ hoặc một phần) nội dung báo cáo mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KAFI.